

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/HSST
Ngày 20/10/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bạc Thị Liên

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tạ Thị Mùa
2. Bà Nguyễn Thị Nhung

- **Thư ký phiên toà:** Ông Bùi Minh Thắng - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Đ.

- **Đại diện VKSND thành Phố Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà:** Ông Phạm Văn Năng - Kiểm sát viên.

Ngày 29/10/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thành Phố Đ, tỉnh Điện Biên xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 13/2024/HSST ngày 11/10/2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:10/2024/QĐXX-HS ngày 18/10/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Cà Văn S. Bị cáo không có tên gọi khác; Giới tính: Nam
Sinh năm 1979. Tại tỉnh Đ.

Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Bản K, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt nam. Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Nông Nghiệp. Trình độ văn hoá: 01/12; Con ông: Cà Văn O, con bà: Lù Thị H; Gia đình bị cáo có 6 anh em, bị cáo là con thứ 4 trong gia đình. Bị cáo có vợ 1: Lò Thị P, sinh năm 1981 (đã ly hôn); Vợ thứ 2 Tô Thị P. Bị cáo có 03 con. Tiền sự: Không. Tiền án: Không; Nhân thân; Ngày 29/4/2009 bị UBND tỉnh Điện Biên áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 24 tháng. Ngày 30/01/2011 chấp hành xong QĐ trở về địa phương.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 24/5/2024, bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Lò Văn T, sinh năm 1986, trú tại bản Co Cáng, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang bị tạm giam tại nhà Tạm giữ Công an huyện Đ (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 10 giờ ngày 24/5/2024, Cà Văn S nhận 17,28 gam Methamphetamine đựng trong 01 túi nilon màu xanh và 0,67gam Heroine đựng

trong túi nilon màu hồng từ Lò Văn T sinh năm 1986 trú tại bản C, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên mục đích để đem bán cho 01 người đàn ông tên là M với giá 3.600.000đ. T hứa trả công bán cho Sương bằng 04 viên Methamphetamine. Hồi 11 giờ 30 phút khi S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27B2- 296.45 đi đến khu vực đập tràn thuộc tổ 5, phường T, thành phố Điện Biên P để giao hàng là ma túy thì bị tổ công tác phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Đ làm nhiệm vụ phát hiện, bắt quả tang và thu giữ vật chứng gồm 01 túi nilon màu hồng và 01 túi nilon màu xanh; 01 túi vải màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen kèm sim và 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 27B2-296.45 mang tên Lò Thị

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng ngày 25/5/2024 đã xác định: Các viên nén màu hồng nghi ma túy tổng hợp thu giữ khi bắt quả tang của Cà Văn S có khối lượng là 17,28 gam trích 05 viên nén màu hồng khối lượng **0,43** gam gửi giám định.

Chất bột màu trắng nghi Heroine có khối lượng 0,67 gam trích 0,17 gam gửi giám định.

Tại bản kết luận giám định số 883/KL-KTHS ngày 01/6/2024 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận:

-Vật chứng thu giữ của Cà Văn S có khối lượng 0,67 gam chất bột màu trắng là chất ma túy loại Heroine, còn lại sau giám định 0,5 gam.

- Mẫu các viên nén màu hồng là vật chứng thu giữ của Cà Văn S có khối lượng là 17,28 gam gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine; Vật chứng còn lại sau giám định 16,86 gam.

Tại bản cáo trạng số 174/CT-VKSTPĐBP ngày 09/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã truy tố bị cáo Cà Văn S về tội: Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm p khoản 2 Điều 251/ Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Đ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo S về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm p Khoản 2 Điều 251/ BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38/BLHS.

Xử phạt bị cáo từ **10 năm đến 10 năm 06** tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng Điểm a, c Khoản 1 Điều 47/BLHS năm 2015; Điểm a, c Khoản 2 Điều 106/BLTTHS năm 2015 về xử lý vật chứng.

Căn cứ Khoản 2 Điều 136/ BLTTHS năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo cũng hoàn toàn nhất trí với quan điểm truy tố và luận tội của VKSND thành phố Đ không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng của bị cáo: Ngoài xin giảm nhẹ hình phạt không có ý kiến gì khác.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Hồi 11 giờ 30 phút ngày 24/5/2024, tại đập tràn thuộc tổ 5, phường Thanh Trường, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, Cà Văn S đã có hành vi cất giấu trái phép trên người 17,28gam Methamphetamine và 0,67 gam Heroine mục đích bán kiếm lời. Nguồn gốc số ma túy có được theo bị cáo khai là của Lò Văn T thuê bị cáo đem đi giao bán cho người đàn ông tên Minh. Bị cáo đem ma túy đến điểm hẹn để giao cho người đàn ông tên M quá trình giao hàng bị bắt.

Tiến hứa sau khi giao hàng bị cáo sẽ được Tiến trả công bằng 4 viên ma túy tổng hợp. Hành vi nhận ma túy của T đem đi bán cho người đàn ông tên M của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy "

Bị cáo biết hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vì được hưởng lợi nên cố tình vi phạm do vậy phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Từ chứng cứ nêu trên đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự " Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm h đến điểm o khoản này"

Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quá tang, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng; Kết luận giám định; Kết luận điều tra, các bản cung có trong hồ sơ vụ án cũng như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự và phải chịu hình phạt mà pháp luật quy định do hành vi phạm tội của mình đã gây ra.

Cáo trạng của VKSND thành phố Đ đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình đã gây ra.

[2]. Xét tính chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa bàn phường Thanh T nói riêng và thành phố Đ nói chung. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy. Bởi vì ma túy là một hiểm họa của nhân loại, đồng thời ma túy cũng là nguyên nhân của nhiều loại tội phạm khác. Chính vì thế mà Nhà nước ta đã nghiêm cấm mọi hành vi có liên quan đến ma túy, đặc biệt là việc "Mua bán trái phép các chất ma túy".

Bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy, nhận thức được hành vi mua bán chất ma túy là vi phạm pháp luật, song vì nghiện và hám lời nên vẫn cố tình vi phạm. Do vậy cần phải xử lý bị cáo nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng của VKSND thành phố Đ đã truy tố bị cáo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình đã gây ra.

[3]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo HĐXX thấy rằng: Sinh ra và lớn lên tại phường T, thành phố Đ, tỉnh Đ, bị cáo học hết lớp 1 phổ thông.

Ngày 29/4/2009 bị UBND tỉnh Điện Biên áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 24 tháng. Ngày 30/01/2011 chấp hành xong QĐ trở về địa phương. QĐ này đến nay đã xóa coi như không có tiền sự, nhưng điều này cho thấy bị cáo có nhân thân xấu. bị cáo bị nghiện ma túy từ năm 2004. Tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51/BLHS.

Xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, khối lượng ma túy bị cáo đem bán lớn nên cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để bị cáo tiếp tục cai nghiện cải sửa lỗi lầm trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội. Xét đề nghị của VKS là phù hợp HĐXX chấp nhận.

[4]. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **Lò Văn T** trong hồ sơ vụ án thể hiện và theo bị cáo S khai là người đã thuê bị cáo đem 02 gói ma túy đi giao cho người đàn ông tên M lấy 3.600.000đ tiền về, T hứa sẽ trả công bằng 04 viên ma túy, tuy nhiên ngoài lời khai của S ra không có tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh việc T tham gia mua bán ma túy cùng bị cáo nên cơ quan điều tra không có cơ sở để xử lý đối với Lò Văn T do vậy HĐXX cũng không có cơ sở xem xét đối với Lò Văn T trong cùng vụ án.

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 27B2- 296.45 đăng ký mang tên Lò Thị T là của con gái bị cáo khi đem xe đi chị T không biết **Cơ quan Điều tra công an tỉnh Đ đã trả lại chiếc xe cho chủ sở hữu là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 106/ BLTTHS nên HĐXX chấp nhận.**

[5]. Ngoài hình phạt chính là phạt tù thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 251/BLHS là phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 500 triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét kinh tế bị cáo khó khăn, bản thân không có thu nhập ổn định lại bị nghiện. Nên không có điều kiện để thi hành. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về hành vi và các Quyết định của cơ quan người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Điều tra viên, kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng là hợp pháp, được chấp nhận.

[7]. Vật chứng của vụ án cần áp dụng Điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS năm 2015; Điểm a, c Khoản 2 Điều 106/BLTTHS năm 2015 về xử lý vật chứng.

Tịch thu tiêu huỷ 16,86 gam Methamphetamine còn lại sau giám định; 0,5gam Heroine; 01 túi nilon màu xanh; 01 nilon màu hồng; 01 túi vải màu đen, loại túi có dây đeo đã qua sử dụng; Đối với chiếc điện thoại di động Nokia màu đen, màn hình bị nứt vỡ đã qua sử dụng và 01 sim số 0988961280 là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội cần thu bán hóa giá xung quỹ nhà nước.

[8]. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136/ BLTTHS năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm p khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS; Điều 38/ BLHS; Điều 331, Điều 333/BLTTHS.

1. Tuyên bố: Bị cáo Cà Văn S phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”
2. Xử phạt bị cáo Cà Văn S **10** (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 24/5/2024)
3. Vật chứng: Căn cứ Điểm a, c Khoản 1 Điều 47/BLHS; Điểm a, c Khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

Tịch thu tiêu huỷ 16,86 gam Methamphetamine còn hoàn lại sau giám định; 0,5gam Heroine; 01 túi nilon màu xanh; 01 nilon màu hồng; 01 túi vải màu đen, loại túi có dây đeo đã qua sử dụng;

Đối với chiếc điện thoại di động Nokia màu đen, màn hình bị nứt vỡ đã qua sử dụng và 01 sim số 0988961280 bán hóa giá xung quỹ nhà nước.

(Vật chứng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ vào ngày 17/10/2024 đặc điểm vật chứng mô tả theo biên bản giao nhận).

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136/BLTTHS năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí Tòa án bị cáo Cà Văn S phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/10/2024).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh ĐB
- VKSND TPĐ;
- Công an TP Đ;
- Nhà Tạm giữ - CATP Đ;
- Sở TP tỉnh Đ;
- CCTHADS TP Đ;
- CQTHA hình sự CATPĐBP;
- Bị cáo; Người l
- Lưu./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạc Thị Liên

